

GIẤY MỜI

Về việc trao đổi, xử lý vướng mắc trong công tác thanh toán chi phí để giải ngân nguồn vốn đối với công trình xây dựng khẩn cấp

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 1781/BQL-KHĐT ngày 29/5/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh về việc vướng mắc trong công tác thanh toán chi phí để giải ngân nguồn vốn đối với công trình xây dựng khẩn cấp. Để trao đổi, làm rõ, đề xuất hướng xử lý những vướng mắc này, Sở Xây dựng tổ chức cuộc họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Sở Xây dựng:

- Đồng chí Trần Trung Tín – Phó Giám đốc Sở, chủ trì;
- Lãnh đạo và Chuyên viên các Phòng: Quản lý hoạt động xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng.

2. Đại diện lãnh đạo các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường.

3. Đại diện lãnh đạo Kho bạc Nhà nước Khu vực XV.

4. Đại diện lãnh đạo và cán bộ phụ trách công trình xây dựng khẩn cấp: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

II. Thời gian, địa điểm:

Bắt đầu lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 6 năm 2026 (Chiều Thứ Năm), tại Phòng họp tầng 3, Sở Xây dựng, số 39 đường Hai Bà Trưng, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

III. Chuẩn bị:

Hiện nay, Luật đầu tư công sử dụng từ: “*Dự án đầu tư công khẩn cấp*”; Pháp luật Xây dựng sử dụng cụm từ: “*Công trình xây dựng khẩn cấp*” dẫn đến việc áp dụng các quy định pháp luật để triển khai thực hiện các công trình xây dựng khẩn cấp trên địa bàn tỉnh chưa thống nhất. Để cuộc họp đạt kết quả, đáp ứng yêu cầu giải ngân, Sở Xây dựng đề nghị quý cơ quan:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: Báo cáo cụ thể những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, công tác thanh toán đối với công trình xây dựng khẩn cấp.

2. Sở Tài chính nghiên cứu, tham gia ý kiến cụ thể về nguồn vốn được giao để thực hiện công trình xây dựng khẩn cấp (như các Công trình: cầu Cây Sung, xã

Bình Minh; cầu Bàu Xóm, xã Tịnh Khê, ... sử dụng nguồn vốn tại Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 15/12/2025) có phải là Vốn đầu tư công hay không? Các công trình xây dựng khẩn cấp này thực hiện theo Điều 45 Luật Đầu tư công hay theo Điều 130 Luật Xây dựng?

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực XV nghiên cứu, tham gia ý kiến cụ thể về thành phần hồ sơ để giải ngân nguồn vốn đối với công trình xây dựng khẩn cấp.

4. Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng nhiệm vụ, tham gia ý kiến về nguồn vốn, trình tự thực hiện, đối với công trình xây dựng khẩn cấp.

5. Các Phòng thuộc Sở chủ động nghiên cứu Luật Xây dựng Luật đầu tư công và các quy định có liên quan để tham gia ý kiến tại cuộc họp.

6. Phòng Quản lý hoạt động xây dựng phối hợp Văn phòng Sở chuẩn bị phòng họp và các điều kiện khác phục vụ cuộc họp.

Sở Xây dựng đề nghị các thành phần tham dự đầy đủ, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Thành phần tham dự;
- GD, PGD Sở (N.H.Hồng);
- Lưu: VT, VP, QLHXD_{DanhNT}

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Trung Tín

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy mời số /GM-SXD ngày tháng 6 năm 2026)

Một số quy định có liên quan về Dự án đầu tư công khẩn cấp, Công trình xây dựng khẩn

I. Luật đầu tư công:

1. Khoản 14, 15 19 và 24 Điều 4 của Luật Đầu tư công năm 2024 (Giải thích từ ngữ) quy định:

“14. Dự án đầu tư công là dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

15. Dự án đầu tư công khẩn cấp là dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nhiệm vụ chính trị của quốc gia.

...

19. Kế hoạch đầu tư công là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

...

24. Vốn đầu tư công bao gồm vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.”

2. Khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công năm 2024, quy định:

“1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án sử dụng vốn đầu tư công để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án sử dụng vốn đầu tư công để mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp sử dụng vốn ngoài kế hoạch đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy định tại điểm a và điểm b khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

3. Khoản 15 Điều 4:

“15. Dự án đầu tư công khẩn cấp là dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nhiệm vụ chính trị của quốc gia.”

4. Khoản 6 Điều 19:

“ 6. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư bao gồm:

a) Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

- b) *Nhiệm vụ quy hoạch;*
- c) *Dự án đầu tư công khẩn cấp;*
- d) *Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia;*
- đ) *Dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;*
- e) *Dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại để chuẩn bị dự án đầu tư.”*

5. Điều 45:

“Điều 45. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp

1. *Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp thuộc cấp mình quản lý.*
2. *Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư dự án.*
3. *Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*
4. *Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Chính phủ việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.”*

II. Luật Xây dựng 2014 được sửa đổi bổ sung năm 2020

1. Điều 130:

“Điều 130. Xây dựng công trình khẩn cấp

1. Công trình xây dựng khẩn cấp gồm:

- a) *Công trình được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, các nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền;*
- b) *Công trình được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo phải thực hiện nhanh để kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng, nguồn nước, ứng phó sự cố môi trường, phát triển hệ thống công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

2. *Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định việc xây dựng đối với công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng để tổ chức thực hiện xây dựng công trình bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đối với công trình xây dựng*

khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định các cơ chế đặc thù đối với từng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các cơ chế đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và triển khai các công việc liên quan khác đến quá trình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình khẩn cấp, người được giao xây dựng công trình khẩn cấp phải thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra, đánh giá lại chất lượng công trình đã được xây dựng và thực hiện bảo hành công trình;

b) Hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình và lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Quyết toán công trình theo quy định của pháp luật.

5. Người được giao quản lý sử dụng công trình phải lập kế hoạch quản lý sử dụng công trình hoặc phá dỡ công trình để hoàn trả lại mặt bằng nếu công trình xây dựng khẩn cấp không phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của Luật này.”

2. Nghị định 175/2024/NĐ-CP

2.1. Khoản 2 Điều 4

“2. Trình tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định này. Trình tự thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có cấu phần xây dựng (sau đây gọi là dự án PPP) thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”

2.2. Điều 69

“ Điều 69. Quản lý đầu tư xây dựng công trình xây dựng khẩn cấp

Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình xây dựng khẩn cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 được quy định cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý bằng lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

2. Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được thể hiện bằng văn bản gồm các nội dung: mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình, thời gian xây dựng công trình, dự kiến chi phí và nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

3. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng, bao gồm: giao tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay các công việc khảo sát,

thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng khi có yêu cầu, thi công xây dựng và các công việc cần thiết khác phục vụ xây dựng công trình khẩn cấp; quyết định về trình tự thực hiện khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng; quyết định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu của lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

4. Đối với công trình thuộc phạm vi áp dụng của pháp luật về đấu thầu, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày người quản lý xây dựng công trình khẩn cấp giao tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc tại khoản 3 Điều này, các bên hoàn thiện các thủ tục sau:

a) Trình, phê duyệt kết quả chỉ định thầu; công khai kết quả chỉ định thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu với các nội dung sau: yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

5. Sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình khẩn cấp, người được giao xây dựng công trình khẩn cấp có trách nhiệm tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình, bao gồm: lệnh xây dựng công trình khẩn cấp; các tài liệu khảo sát xây dựng (nếu có); thiết kế điển hình hoặc thiết kế bản vẽ thi công; nhật ký thi công xây dựng công trình, các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình; các biên bản nghiệm thu; kết quả thí nghiệm, quan trắc, đo đạc (nếu có); hồ sơ quản lý vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bản vẽ hoàn công; phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình xây dựng vào sử dụng; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng giữa chủ đầu tư, nhà thầu và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; các căn cứ, cơ sở để xác định khối lượng công việc hoàn thành và các hồ sơ, văn bản, tài liệu khác có liên quan hoạt động đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp.

6. Đối với công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, thanh toán, quyết toán đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công.”

3. Nội dung hồ sơ BCNCKT, BCKTKT

3.1. Điều 54 Luật Xây dựng

“Điều 54. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Thiết kế cơ sở được lập để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

a) Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;

b) Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);

- c) Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng;
- d) Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình;
- đ) Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;
- e) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

2. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm:

- a) Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;
- b) Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường;
- c) Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác;
- d) Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;
- d1)[48] Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, ngoài nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này phải có thông tin về các loại hình nhà ở, việc thực hiện yêu cầu về nhà ở xã hội (nếu có). Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị phải có thuyết minh về phương án xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án và kết nối với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài phạm vi dự án, phương án bàn giao công trình. Chính phủ quy định chi tiết điểm này;

đ) Các nội dung khác có liên quan.”

3.2. Điều 55 Luật Xây dựng

“Điều 55. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

- 1. Thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng.
- 2. Các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm thuyết minh về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng, địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất, quy mô, công suất, cấp công trình, giải pháp thi công xây dựng, an toàn xây dựng, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng và bảo vệ môi trường, bố trí kinh phí thực hiện, thời gian xây dựng, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình.”

III. Hồ sơ thanh toán theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP

- 1. Khoản 1 Điều 8:

“Điều 8. Hồ sơ thanh toán vốn của nhiệm vụ, dự án

1. Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung), bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

b) Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đối với nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư công (trừ trường hợp nhiệm vụ đã có trong Quyết định phê duyệt dự án), Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với thực hiện dự án, các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có).

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định pháp luật), văn bản giao việc hoặc văn bản giao khoán nội bộ (đối với trường hợp giao khoán nội bộ).

d) Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Mẫu số 02.a/TT) (chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng).

đ) Bảng tổng hợp thông tin dự toán đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (Mẫu số 02.b/TT) (chủ đầu tư lập theo dự toán chi phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng), dự toán thu, chi hàng năm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán thu, chi hàng năm (Mẫu số 01/QĐ-QLDA, Mẫu số 02/QĐ-QLDA Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính).

e) Bảng tổng hợp thông tin bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Mẫu số 02.c/TT) (chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng).

g) Đối với Ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính mà chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); Quyết định thành lập đơn vị.”

2. Điều 16:

“Điều 16. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, công trình tạm, dự án đầu tư công đặc biệt

1. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, công trình tạm, dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

2. Tạm ứng vốn:

a) Nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, dự án đầu tư công đặc biệt:

(i) Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung).

(ii) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); hoặc Lệnh hoặc văn bản cho phép xây dựng công trình khẩn cấp của cấp có thẩm quyền (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung).

(iii) Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Mẫu số 02.a/TT); bảng tổng hợp thông tin dự toán đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (Mẫu số 02.b/TT). Trường hợp cần tạm ứng khi chưa có hợp đồng, dự toán thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

(iv) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT).

(v) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

(vi) Văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này).

c) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với công trình tạm: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Hồ sơ thanh toán gồm: các hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này (trừ thành phần hồ sơ đã gửi khi làm thủ tục tạm ứng vốn).

4. Việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Riêng hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, dự án đầu tư công đặc biệt thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.”
